

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/DS-ST

Ngày: 18 – 9 – 2020

V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Thanh Tâm;
2. Ông Nguyễn Quốc Trí.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Phiêu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 8 năm 2020 và ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *N Đn:* Chị Nguyễn Thị Út M (H), sinh năm: 1987.  
Địa chỉ: Số nhà 18, khóm PM, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.
2. *Bị Đn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1954.  
Địa chỉ: Số nhà 111, khóm PM, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Văn Đ, sinh năm: 1950.  
Địa chỉ: Số nhà 111, khóm PM, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

*(Chị M có mặt, bà N vắng mặt, ông Đ có đơn xin vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như*

*tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Út M trình bày:*

Vào ngày 19/9/2019 âm lịch bà Nguyễn Thị N có vay chị số tiền là 68.000.000 đồng (sáu mươi tám triệu đồng), có làm biên nhận. Vài ngày sau chị đi chợ không thấy bà N bán hàng nữa, số điện thoại không liên lạc được. Chị có đến nhà gặp ông Bùi Văn Đ là chồng bà N để hỏi về số tiền bà N vay của chị thì ông Đ có hứa khi nào bán đất sẽ trả tiền cho chị nhưng đến nay vẫn không trả.

Nay M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N, ông Bùi Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền vay còn nợ 68.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định từ ngày 19/9/2019 âm lịch cho đến khi giải quyết xong vụ án, nhưng tại phiên tòa hôm nay chị M không yêu cầu tính lãi.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị N:* Đã được Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bà N không đến tham gia tố tụng và không trình bày ý kiến cho Tòa án.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn Đ trình bày:* Ông có nhận được các văn bản của Tòa án gửi cho ông và bà N, ông có liên lạc qua điện thoại thì chỉ nghe nói bà N đang ở Thành phố Hồ Chí Minh hay Bình Dương gì đó. Khi chị Nguyễn Thị Út M đến nhà thì ông có hứa là đồng ý liên đới trách nhiệm cùng bà N trả tiền theo yêu cầu của chị M nhưng đợi đến khi nào có tiền hay bán đất được thì ông trả, hiện ông không có làm gì ra tiền.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

N Đn Nguyễn Thị Út M khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Đ, cư trú tại: Khóm PM, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp phù hợp với kết quả xác nhận của Công an thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp, nên căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác

định đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa họp lệ nhưng bà N không đến tham gia tố tụng và không trình bày ý kiến cho Tòa án. Xét thấy, bà N cố tình vắng mặt, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 19/9/2019 (âm lịch) bà Nguyễn Thị N có vay chị M số tiền 68.000.000 đồng (sáu mươi tám triệu đồng). Vài ngày sau không thấy bà N đâu, số điện thoại không liên lạc được. Chị có đến nhà gặp ông Đ là chồng bà N để hỏi về số tiền bà N vay của chị thì ông Đ có hứa khi nào bán đất sẽ trả tiền cho chị nhưng đến nay vẫn không trả.

Nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N, ông Bùi Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền vay còn thiếu 68.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

*“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.*

Đối với khoản tiền lãi chậm trả từ ngày 19/9/2019 âm lịch cho đến nay chị M không tính cho bà N, xét việc không tính lãi chậm trả thời gian qua là có lợi cho phía bị Đn, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông Bùi Văn Đ tuy không ký tên vào biên nhận cùng với bà N vay tiền của chị M, nhưng ông Đ tự nguyện liên đới cùng bà N trả tiền vay cho chị M, xét đây là sự tự nguyện của ông Đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị N, ông Bùi Văn Đ phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do là người cao tuổi nên được miễn án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Út M.

- Buộc bà Nguyễn Thị N, ông Bùi Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Út M số tiền vay 68.000.000 đồng (sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị N, ông Bùi Văn Đ phải liên đới chịu 3.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, do là người cao tuổi nên được miễn án phí.

- Chị Nguyễn Thị Út M không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả 1.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo Biên lai thu số BI/2019/0001792, quyển số 36, ngày 10/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị Út M có quyền làm Đn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị N, ông Bùi Văn Đ vắng mặt có quyền làm Đn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H. Thanh Bình;
- Chi cục THADS H. Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Giang**